



Student Travel Permission Form *Đơn cho phép Đi lại của Học sinh*

I hereby grant permission for my child, * _____ (Student Name),
Tôi, sau đây cho phép con tôi,

attending * _____ (School Name)
đang theo học tại (tên trường)

to travel over the period of * _____ (dates: month/date/year).
được đi xa trong thời gian (tháng/ngày/năm)

*Please select one: *Xin hãy chọn một ô:*

I authorize the following adult(s) to accompany my child during his/her travel:
Tôi ủy quyền cho (những) người lớn dưới đây đi cùng con tôi trong thời gian cháu đi lại:

OR / *HOẶC*

I authorize my child to travel unaccompanied by an adult during the transportation process of the travel plans but NOT for the duration of the trip.

Tôi ủy quyền cho con tôi đi lại mà không có người lớn đi cùng trong quá trình vận chuyển của các kế hoạch đi lại nhưng KHÔNG cho suốt thời gian của chuyến đi

*Destination(s): _____
(Các) Địa điểm

*Planned Activities: _____
Các hoạt động được lập ra

*Method of Transportation: _____
Phương thức Vận chuyển

*Purpose of Travel: _____
Mục đích của việc đi lại

*Proposed Itinerary (Include flight/train/bus itinerary, hotel address if applicable):
Hành trình đề xuất (Bao gồm hành trình chuyến bay/tàu/xe buýt, địa chỉ khách sạn nếu có)

Finalized Itinerary must be provided to the SSC after official approval has been communicated to the student. No exceptions.
Hành trình hoàn thiện phải được cung cấp cho SSC sau khi sự phê duyệt chính thức đã được truyền đạt cho học sinh. Không có ngoại lệ.



Student Travel Permission Form *Đơn cho phép Đi lại của Học sinh*

Emergency Contact Information *Thông tin Người liên hệ khẩn cấp*

The Emergency Contact must be an adult, 25 and over, who is accompanying the student during the travel.
Người liên hệ Khẩn cấp phải là người lớn, 25 tuổi trở lên và là người đi cùng với học sinh trong việc đi lại.

*Name / *Tên*: _____

*Age / *Tuổi*: _____

*Occupation / *Nghề nghiệp*: _____

*Relation to the Student / *Mối quan hệ với học sinh*: _____

*Address / *Địa chỉ*: _____

*Email address / *Địa chỉ email*: _____

*Cell Phone Number / *Số điện thoại di động*: _____

I agree to defend, indemnify, and hold harmless Cambridge Institute of International Education ("Cambridge"), the School, the affiliates of both, and each of their respective officers, directors, employees, advisors, and agents (individually and collectively, "Indemnified Party") from and against any and all claims, demands, damages, losses, actions, causes of action, liabilities, and lawsuits, including attorneys' fees and costs, to which any such Indemnified Party may become subject arising out of or in connection with activities involving, directly or indirectly, my child's travel as authorized herein.

Tôi đồng ý bảo vệ, bồi thường và giữ vô hại Cambridge, Inc, nhà Trường, các công ty thành viên của cả hai, và từng các cán bộ, giám đốc, nhân viên, cố vấn, và các đại lý của họ (cá nhân và tập thể, "Bên Bồi thường") từ và chống lại bất kỳ và tất cả các khiếu nại, yêu cầu, thiệt hại, tổn thất, hành động, nguyên nhân của hành động, trách nhiệm, và các vụ kiện, bao gồm cả lệ phí và chi phí cho luật sư, mà bất kỳ Bên Bồi thường trên đây có thể trở thành đối tượng phát sinh từ hoặc liên quan đến các hoạt động liên quan đến trực tiếp hoặc gián tiếp, đi lại của con tôi như đã được ủy quyền ở đây.

I understand that my child's travel is at his/her own risk.
Tôi hiểu rằng việc đi lại của con tôi là sự rủi ro của riêng cháu.

*Natural Parent Signature: _____ *Date: _____
Chữ ký của Bố mẹ Ngày